

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H2ỆN H3M THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2022

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN H2ỆN H3M THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- TH3nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông H3 Văn Hơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh

2. Bà Cao Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H3 - Thư ký Toà án nhân dân H2ện H3m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H2ện H3m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân H2ện H3m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2022, về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm L – Sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn L, xã H, H2ện H, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Ông Phạm Văn H – Sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn L, xã H, H2ện H, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2022, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Trần Thị Cẩm L trình bày: Bà và ông Phạm Văn H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau chung sống với nhau từ năm 1999, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Liêm, H2ện H3m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 16/10/2003, theo giấy chứng nhận kết hôn số 22/2003 của UBND xã Hồng Liêm, H2ện H3m Thuận Bắc. Sau khi cưới nhau về chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, về sau phải sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn xảy ra trên 10 năm nay do tính cách không hợp nhau, mỗi người mỗi quan điểm sống, mâu thuẫn chủ yếu là do ông H không chịu làm ăn chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu về đánh đập bà. Sự việc này xảy ra liên tục trong thời gian dài, cuộc sống lúc nào cũng căng thẳng nhưng vì các con còn

nhỏ nên bà gắng chịu đựng để lo cho các con. Cuối năm 2020, bà không chịu được nữa nên đã bỏ về nhà cha mẹ để ở cho tới nay, từ đó hai vợ chồng đã ly thân, từ khi ly thân tới nay không ai quan tâm tới ai, mặc ai nấy sống. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên: Phạm Văn H1, sinh ngày 04/12/2000; Phạm Văn H2, sinh ngày 05/9/2002; Phạm Thị Thu H3, sinh ngày 07/7/2006 và Phạm Văn H4, sinh ngày 14/06/2017. Hiện hai người con đầu đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu H3 và cháu H4 sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H3 và giao cháu H4 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

***/Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân là đúng, ông không bổ sung gì thêm. Trong cuộc sống hôn nhân về mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà L trình bày, ông hay rượu chè, sau đó về hay đánh đập bà L, nhưng sau khi đánh xong thì ông vẫn thương vợ. Bà L bỏ nhà về nhà mẹ đẻ ở hơn một năm nay. Từ khi ly thân không ai quan tâm tới ai. Nay ông thấy vẫn còn tình cảm với bà L nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 người con chung như bà L trình bày, hai người con lớn đã trưởng thành và có khả năng lao động. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H4 và giao cháu H3 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tiến hành giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm L. Về hôn nhân: Về hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm L được ly hôn với ông Phạm Văn H. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thu H3, sinh ngày 07/7/2006 cho bà Trần Thị Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Phạm Văn H4, sinh ngày 14/6/2017 cho ông Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Bà Trần Thị Cẩm L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Phạm Văn H. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn ông Phạm Văn H có địa chỉ tại Thôn L, xã H, H2ện H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân H2ện H3m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung:

[2.a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng: bà L và ông H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Liêm, H2ện H3m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 16/10/2003, theo giấy chứng nhận kết hôn số 23/2003 của UBND xã Hồng Liêm, H2ện H3m Thuận Bắc nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, do tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại, mâu thuẫn xảy ra liên tục trong thời gian dài, cuộc sống luôn căng thẳng nặng nề, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do ông H thường xuyên rượu chè say xỉn về chửi bới đánh đập bà L. Hai vợ chồng sống ly thân hơn 1 năm nay, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Từ khi ly thân đến nay, bà L và ông H không ai quan tâm tới ai, mạnh ai nấy sống, không còn tha thiết gì với hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, ông H thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn do ông hay đánh bà L nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà L và mong muốn H3n gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà L kiên quyết ly hôn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà L xin ly hôn với ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.b] Về con chung: Vợ chồng có 04 người con chung tên Phạm Văn H1, sinh ngày 04/12/2000; Phạm Văn H2, sinh ngày 05/9/2002; Phạm Thị Thu H3, sinh ngày 07/7/2006 và Phạm Văn H4, sinh ngày 14/6/2017. Hai người con đầu đã trưởng tH3nh và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu H3 và cháu H4, khi ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H3 và giao cháu H4 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H4 và giao cháu H3 cho bà L trực tiếp nuôi nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét các bên đều có nguyện vọng mỗi người được trực tiếp nuôi một người con là phù hợp nên giao cháu H3 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H4 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con các bên đều không yêu cầu nên không xét.

Bà L, ông H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[2.c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Cẩm L pH4 chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi H3nh án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm L
- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm L được ly hôn với ông Phạm Văn H.
- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thu H3, sinh ngày 07/7/2006 cho bà Trần Thị Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Phạm Văn H4, sinh ngày 14/6/2017 cho ông Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Bà L, ông H có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Cẩm L pH4 chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006046 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi H3nh án dân sự H2ện H3m Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, bà L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Phạm Văn H không pH4 chịu án phí án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/4/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND H2ện H3m Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H2ện H3m Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- UBND(Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

H3 Văn Hơ

